

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 746/2024/HNST ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1762/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HPT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: A P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:* Ông Phan Văn Bé H, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: A P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Phan Văn Bé H tự nguyện sống chung có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2012, quyển số 01/2012, ngày 29/06/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không phù hợp giữa vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, bà T và ông H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017. Bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu ông Phan Văn Bé H cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] *Bị đơn Ông Phan Văn Bé H trình bày Biên bản hòa giải ngày 22/11/2024:*

Ông và bà Nguyễn Thị Bé T chng sống với nhau và đăng ký kết hôn như bà T trình bày. Đối với yêu cầu ly hôn của bà T ông không đồng ý ly hôn và đề nghị có thêm thời gian để suy nghĩ và hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông chưa có phương án về việc trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt trực tiếp họp lệ văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý số 746/2024/HNST ngày 02 tháng 10 năm 2024; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về tư cách pháp lý của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T về việc ly hôn; Bà Nguyễn Thị Bé T Thủ ly hôn ông Phan Văn Bé H; Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017 cho bà T nuôi dưỡng; Nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu ông Phan Văn Bé H cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Án phí buộc bà T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn đối với ông Phan Văn Bé H là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phan Văn Bé H có nơi cư trú tại quận T, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Phan Văn Bé H kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2012, quyển số 01/2012, ngày 29/06/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận là phù hợp quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T xác định yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phan Văn Bé H với nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có hành vi cờ bạc bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Hơn nữa hai vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay dẫn đến hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt.

Nhận thấy, trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn thì Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên ông Phan Văn Bé H không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc do đó lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bé T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân là có cơ sở để chấp nhận.

Hơn nữa, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn ông Phan Văn Bé H đến Tòa án để hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng là không thể hiện ý chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông bà không còn thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T về việc ly hôn đối với ông Phan Văn Bé H là có cơ sở và phù hợp pháp luật theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017;

Nhận thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T là người trực tiếp nuôi con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017, để ổn định tâm sinh lý và căn cứ hoàn cảnh hiện tại của các cháu đang sinh sống; Cùng căn cứ vào mọi quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Diễm Q mong muốn sống chung với bà T; cháu Phan Ngọc Minh A (nữ) có hội chứng khuyết tật theo Giấy xác nhận

khuyết tật số 27013.444 ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T nên cần sự chăm sóc đặc biệt của bà T. Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017 nêu trên cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu ông Phan Văn Bé H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét;

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T về việc ly hôn; Bà Nguyễn Thị Bé T Thủ ly hôn ông Phan Văn Bé H; Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017 cho bà T nuôi dưỡng; Nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu ông Phan Văn Bé H cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Án phí buộc bà T phải nộp theo quy định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bé T ly hôn ông Phan Văn Bé H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2012, quyển số 01/2012, ngày 29/06/2012 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2. *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017.

Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền trực tiếp nuôi 01 (một) con chung tên Phan Ngọc Diễm Q (nữ), sinh ngày 25/11/2012 và Phan Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 07/01/2017 và có quyền yêu cầu ông Phan Văn Bé H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà T.

Ông Phan Văn Bé H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị Bé T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông Phan Văn Bé H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Phan Văn Bé H.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Bé T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Phan Văn Bé H hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu ông Phan Văn Bé H cấp dưỡng nuôi con chung;

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040275 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Nguyễn Thị Bé T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Oánh